

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.1 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: NGUYỄN HÀ MINH THUẬN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.1	Nguyễn Ngọc Thảo	An	29/09/2014	Nữ	
2	5.1	Lưu Hoàng	Anh	26/11/2014	Nam	
3	5.1	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	14/09/2014	Nữ	
4	5.1	Yang Jia	Bửu	05/06/2014	Nữ	
5	5.1	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	27/09/2014	Nữ	
6	5.1	Khưu Thị Hồng	Diễm	02/07/2014	Nữ	
7	5.1	Nguyễn Minh	Đan	01/05/2014	Nữ	
8	5.1	Phạm Việt Thiên	Đức	11/03/2014	Nam	
9	5.1	Hoàng Nhã	Hân	30/03/2014	Nữ	
10	5.1	Trần Quốc	Huy	23/01/2014	Nam	
11	5.1	Lê Xuân	Khoa	29/11/2014	Nam	
12	5.1	Lê Anh	Khôi	22/07/2014	Nam	
13	5.1	Quách Hoàng Anh	Khôi	08/01/2014	Nam	
14	5.1	Lê Khánh	Linh	21/11/2014	Nữ	
15	5.1	Nguyễn Trần Hoàng	Mai	28/08/2014	Nữ	
16	5.1	Lê Bình	Minh	30/03/2014	Nam	
17	5.1	Nguyễn Hoàng Hải	My	25/01/2014	Nữ	
18	5.1	Phạm Trần Phúc	Nam	01/12/2014	Nam	
19	5.1	Nguyễn Tôn Kim	Ngân	26/04/2014	Nữ	
20	5.1	Võ Phương	Nghi	29/08/2014	Nữ	
21	5.1	Phạm Sĩ	Nghiêm	11/06/2014	Nam	
22	5.1	Bùi Minh	Ngọc	29/08/2014	Nữ	
23	5.1	Desmedt Elias	Nguyen	11/09/2014	Nam	
24	5.1	Trịnh Khánh Thảo	Nguyên	30/12/2014	Nữ	
25	5.1	Hồ Ngọc Mỹ	Phúc	10/01/2014	Nữ	
26	5.1	Võ Hoàng	Phước	09/01/2014	Nam	
27	5.1	Lâm Đức Minh	Quân	30/06/2014	Nam	
28	5.1	Lê Hưng	Thịnh	26/11/2014	Nam	
29	5.1	Lưu Ngọc Nguyên	Thư	24/09/2014	Nữ	
30	5.1	Nguyễn Thiện	Trí	28/10/2014	Nam	
31	5.1	Nguyễn Thành	Vinh	15/10/2014	Nam	
32	5.1	Phạm Nguyễn Quang	Vinh	18/01/2014	Nam	
33	5.1	Lưu Hoàng	Yến	05/01/2014	Nữ	
34	5.1	Nguy Lê Thanh	Trúc	08/04/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.2 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: VÕ THỊ MỸ HẠNH

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.2	Hoàng Thiên	An	20/02/2014	Nữ	
2	5.2	Nguyễn Lê Mỹ	An	24/03/2014	Nữ	
3	5.2	Đặng Ái Bảo	Anh	10/06/2014	Nữ	
4	5.2	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	05/01/2014	Nữ	
5	5.2	Vũ Tuệ	Anh	26/09/2014	Nữ	
6	5.2	Vũ Dương	Danh	24/02/2014	Nam	
7	5.2	Nguyễn Bình Ngọc	Diệp	20/10/2014	Nữ	
8	5.2	Lê Minh	Dũng	02/05/2014	Nam	
9	5.2	Nguyễn Hoàng Phúc	Điền	22/01/2014	Nam	
10	5.2	Dương Gia	Hân	24/06/2014	Nữ	
11	5.2	Trần Ngọc	Hân	24/07/2014	Nữ	
12	5.2	Lưu Minh	Hiền	04/02/2014	Nam	
13	5.2	Trần Đỗ Gia	Khải	31/08/2014	Nam	
14	5.2	Nguyễn Tấn	Khoa	09/12/2014	Nam	
15	5.2	Nguyễn Đình Đăng	Khôi	26/12/2013	Nam	
16	5.2	Lê Đình Thiên	Kim	26/10/2014	Nữ	
17	5.2	Trần Phạm Phương	Linh	01/06/2014	Nữ	
18	5.2	Phạm Minh	Long	27/12/2014	Nam	
19	5.2	Vũ Thế	Minh	19/08/2014	Nam	
20	5.2	Huỳnh Tuệ	Mỹ	06/03/2014	Nữ	
21	5.2	Hồ Nguyễn	Nam	26/08/2014	Nam	
22	5.2	Nguyễn Minh	Nhật	21/12/2014	Nam	
23	5.2	Kỷ Linh	San	09/06/2014	Nữ	
24	5.2	Phạm Thanh	Tâm	07/05/2014	Nữ	
25	5.2	Vũ Dương	Thái	24/02/2014	Nam	
26	5.2	Huỳnh Phát	Thọ	05/12/2014	Nam	
27	5.2	Nguyễn Thái Minh	Thư	03/10/2014	Nữ	
28	5.2	Ngô Minh	Trí	13/02/2014	Nam	
29	5.2	Dương Công Minh	Triết	02/09/2014	Nam	
30	5.2	Nguyễn Khắc	Tuấn	10/11/2014	Nam	
31	5.2	Ngô Minh	Tuệ	02/02/2014	Nam	
32	5.2	Trần Huy	Vũ	22/07/2014	Nam	
33	5.2	Nguyễn Ngọc Như	Ý	19/11/2014	Nữ	
34	5.2	Nguyễn Thiên	Ý	26/12/2014	Nữ	
35	5.2	Phan Thanh Nhật	Anh	17/03/2014	Nam	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.3 - NĂM HỌC 2024-2025

GVCN: TRỊNH THỊ NHÀN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.3	Võ Chiêu Bảo	An	29/06/2014	Nữ	
2	5.3	Bùi Văn	Anh	31/08/2014	Nữ	
3	5.3	Đỗ Mai Quỳnh	Anh	07/06/2014	Nữ	
4	5.3	Nguyễn Bùi Trúc	Anh	12/10/2014	Nữ	
5	5.3	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	07/04/2014	Nữ	
6	5.3	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	29/06/2014	Nữ	
7	5.3	Phan Nhã	Anh	01/10/2014	Nữ	
8	5.3	Lê Nguyên	Bảo	18/07/2014	Nam	
9	5.3	Phùng Hoàng Gia	Bảo	23/09/2014	Nam	
10	5.3	Trần Nguyễn Quang	Đăng	06/10/2014	Nam	
11	5.3	Võ Gia	Hân	16/04/2014	Nữ	
12	5.3	Phùng Lê	Hoàng	25/05/2014	Nam	
13	5.3	Hồ Gia	Huy	06/03/2014	Nam	
14	5.3	Nguyễn Huỳnh	Khải	27/07/2014	Nam	
15	5.3	Chu Nguyên	Khánh	03/06/2014	Nam	
16	5.3	Nguyễn Cao Kim	Khánh	01/09/2014	Nữ	
17	5.3	Nguyễn Phú Anh	Khoa	16/04/2014	Nam	
18	5.3	Đặng Lâm Minh	Khôi	04/01/2014	Nam	
19	5.3	Nguyễn Lâm Sao	Khuê	03/12/2014	Nữ	
20	5.3	Trần Quang	Kiên	28/11/2014	Nam	
21	5.3	Nguyễn Võ Hoàng	Kim	25/04/2014	Nữ	
22	5.3	Nguyễn Phi	Long	22/01/2014	Nam	
23	5.3	Nguyễn Hoàng	Minh	07/10/2014	Nam	
24	5.3	Phan Anh	Minh	28/02/2014	Nam	
25	5.3	Ngô Thảo	My	20/10/2014	Nữ	
26	5.3	Trần Khánh	Nam	19/01/2014	Nam	
27	5.3	Phạm Quách Khả	Ngân	06/07/2014	Nữ	
28	5.3	Hoàng Lê Giáng	Ngọc	03/03/2014	Nữ	
29	5.3	Trương Bảo	Ngọc	18/03/2014	Nữ	
30	5.3	Nguyễn Phúc	Nguyên	08/07/2014	Nam	
31	5.3	Nguyễn Minh	Nhật	05/10/2014	Nam	
32	5.3	Nguyễn Uyên	Nhi	12/11/2014	Nữ	
33	5.3	Phan Bảo	Nhiên	20/04/2014	Nữ	
34	5.3	Nghiêm Thị Tuệ	Như	15/12/2014	Nữ	
35	5.3	Nguyễn Quỳnh	Như	17/03/2014	Nữ	
36	5.3	Hoàng Trọng	Phát	29/09/2014	Nam	
37	5.3	Nguyễn Hồng	Phúc	16/08/2014	Nam	
38	5.3	Phan Hồ Hoàng	Phúc	24/07/2014	Nam	
39	5.3	Nguyễn Minh	Quân	11/11/2014	Nam	
40	5.3	Nguyễn Chí	Tân	09/01/2014	Nam	
41	5.3	Lê Minh	Thiện	28/09/2014	Nam	
42	5.3	Huỳnh Hiệp Hoài	Thương	22/01/2014	Nữ	
43	5.3	Huỳnh Ngọc Thảo	Tiên	11/08/2014	Nữ	
44	5.3	Huỳnh Gia Minh	Tiến	11/08/2014	Nam	
45	5.3	Nguyễn Thùy Yên	Trâm	26/10/2014	Nữ	
46	5.3	Đặng Nguyễn Bảo	Trân	17/10/2014	Nữ	
47	5.3	Phạm Vũ	Uy	06/05/2014	Nam	
48	5.3	Nguyễn Huỳnh Nhã	Uyên	13/02/2014	Nữ	
49	5.3	Lâm Kiên	Văn	19/03/2014	Nam	
50	5.3	Trần Tú	Vân	03/05/2014	Nữ	
51	5.3	Phạm Thanh Thảo	Vy	24/10/2014	Nữ	
52	5.3	Trương Thảo	Vy	11/05/2014	Nữ	
53	5.3	Trần Như	Ý	29/12/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.4 - NĂM HỌC 2024-2025

GVCN: LÊ TOÀN VINH

STT	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.4	Huỳnh Thiên An	30/10/2014	Nữ	
2	5.4	Phan Nguyễn Hà Anh	12/12/2014	Nữ	
3	5.4	Trần Bình Phương	26/07/2014	Nam	
4	5.4	Trần Quỳnh Anh	06/12/2014	Nữ	
5	5.4	Tô Minh Ánh	08/01/2014	Nữ	
6	5.4	Tô Nguyệt Ánh	08/01/2014	Nữ	
7	5.4	Đoàn Nguyễn Gia Bảo	03/05/2014	Nam	
8	5.4	Huỳnh Lê Thiên Bảo	18/04/2014	Nam	
9	5.4	Trần Gia Bảo	27/01/2014	Nam	
10	5.4	Phan Nguyễn Minh Châu	09/03/2014	Nam	
11	5.4	Nguyễn Anh Duy	10/03/2014	Nam	
12	5.4	Phan Thiều Dương	23/08/2014	Nữ	
13	5.4	Phan Thành Đạt	10/07/2014	Nam	
14	5.4	Trần Quang Đăng	29/01/2014	Nam	
15	5.4	Huỳnh Gia Hân	06/09/2014	Nữ	
16	5.4	Nguyễn Phúc Gia Hân	10/02/2014	Nữ	
17	5.4	Trần Minh Hoàng	12/12/2014	Nam	
18	5.4	Lê Vũ Mạnh Hùng	14/11/2014	Nam	
19	5.4	Nguyễn Minh Huy	13/01/2014	Nam	
20	5.4	Trương Quốc Huy	16/12/2014	Nam	
21	5.4	Nguyễn Quốc Hưng	18/02/2014	Nam	
22	5.4	Mai Trọng Khiêm	05/01/2014	Nam	
23	5.4	Nguyễn Anh Khoa	09/11/2014	Nam	
24	5.4	Phạm Hoàng Minh Khôi	01/01/2014	Nam	
25	5.4	Trần Anh Khôi	04/10/2014	Nam	
26	5.4	Cao Trúc Lam	27/10/2014	Nữ	
27	5.4	Nguyễn Vũ Thảo Linh	21/02/2014	Nữ	
28	5.4	Trần Ngọc Ánh Linh	29/01/2014	Nữ	
29	5.4	Nguyễn Hà Đình Luật	28/03/2014	Nam	
30	5.4	Lê Nhật Minh	13/05/2014	Nam	
31	5.4	Lưu Thảo Minh	30/08/2014	Nữ	
32	5.4	Trương Nguyễn Hoàng Mỹ	10/10/2014	Nữ	
33	5.4	Nguyễn Vũ Kỳ Nam	11/01/2014	Nam	
34	5.4	Phạm Thảo Ngân	08/09/2014	Nữ	
35	5.4	Nguyễn Phạm Bảo Nghi	15/02/2014	Nữ	
36	5.4	Lê Huỳnh Bảo Ngọc	13/09/2014	Nữ	
37	5.4	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	21/10/2014	Nữ	
38	5.4	Tô Hồng Ngọc	26/08/2014	Nữ	
39	5.4	Ngô Văn Hoàng Nguyên	04/09/2014	Nam	
40	5.4	Nguyễn Đàm Phúc Nguyên	15/09/2014	Nam	
41	5.4	Nguyễn Kiều Nhi	27/06/2014	Nữ	
42	5.4	Nguyễn Thảo Nhi	19/06/2014	Nữ	
43	5.4	Phạm Quỳnh Như	05/07/2014	Nữ	
44	5.4	Nguyễn Phan Thiên Phúc	19/11/2014	Nam	
45	5.4	Trần Hoàng Bảo Quyên	06/01/2014	Nữ	
46	5.4	Vũ Hoàng Sơn	15/10/2014	Nam	
47	5.4	Trịnh Đan Thanh	14/05/2014	Nữ	
48	5.4	Hà Nguyễn Trúc Thảo	29/07/2014	Nữ	
49	5.4	Phan Nguyễn Minh Thư	05/05/2014	Nữ	
50	5.4	Nguyễn Hồ Thảo Tiên	02/05/2014	Nữ	
51	5.4	Đinh Công Tín	15/10/2014	Nam	
52	5.4	Chu Mỹ Vân	26/06/2014	Nữ	
53	5.4	Nguyễn Bùi Thanh Vy	11/07/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.5 - NĂM HỌC 2024-2025

GVCN: NGUYỄN MỸ HẠNH

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.5	Đào Lê Trâm	Anh	16/10/2014	Nữ	
2	5.5	Hoàng Bảo	Anh	16/07/2014	Nữ	
3	5.5	Nguyễn Minh	Anh	02/07/2014	Nữ	
4	5.5	Nguyễn Trâm	Anh	06/05/2014	Nữ	
5	5.5	Trần Đoàn Quỳnh	Anh	04/11/2014	Nữ	
6	5.5	Trương Trần Duy	Bảo	27/04/2014	Nam	
7	5.5	Võ Trần Gia	Bảo	07/03/2014	Nam	
8	5.5	Lê Nguyễn Kim	Bình	05/07/2014	Nam	
9	5.5	Trần Ngọc Minh	Châu	13/06/2014	Nữ	
10	5.5	Phan Thiên	Di	16/08/2014	Nữ	
11	5.5	Mai Thuyết	Doanh	24/01/2014	Nam	
12	5.5	Nguyễn Đình	Doanh	04/11/2014	Nam	
13	5.5	Bùi Thanh	Duy	09/02/2014	Nam	
14	5.5	Trần Huỳnh Linh	Đan	25/12/2014	Nữ	
15	5.5	Lê Hoài Hải	Đăng	14/09/2014	Nam	
16	5.5	Lâm Ngân	Hà	18/12/2014	Nữ	
17	5.5	Đoàn Ngọc Gia	Hân	14/08/2014	Nữ	
18	5.5	Nguyễn Ngọc	Hân	08/04/2014	Nữ	
19	5.5	Nguyễn Quốc	Huy	09/12/2014	Nam	
20	5.5	Ngô Hoàng Gia	Hung	02/01/2013	Nam	
21	5.5	Phạm Trần Quang	Hung	01/12/2014	Nam	
22	5.5	Trần Phan Nguyên	Khang	17/03/2014	Nam	
23	5.5	Phạm Tuấn	Khanh	02/01/2014	Nam	
24	5.5	Nguyễn Đăng	Khoa	12/08/2014	Nam	
25	5.5	Trần Đăng	Khôi	11/10/2014	Nam	
26	5.5	Nguyễn Minh	Kiên	31/07/2014	Nam	
27	5.5	Đỗ Tuấn	Kiệt	13/05/2014	Nam	
28	5.5	Nguyễn Gia	Kiệt	24/10/2014	Nam	
29	5.5	Tất Cảnh	Lân	25/12/2014	Nam	
30	5.5	Đặng Bảo	Luân	14/08/2014	Nam	
31	5.5	Nguyễn Thiên	Mai	26/01/2014	Nữ	
32	5.5	Lý Anh	Minh	04/05/2014	Nam	
33	5.5	Nguyễn Quang	Minh	17/05/2014	Nam	
34	5.5	Phạm Mỹ Kim	Ngân	20/12/2014	Nữ	
35	5.5	Nguyễn Anh	Ngọc	22/09/2014	Nữ	
36	5.5	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	11/11/2014	Nữ	
37	5.5	Lê Thảo	Nguyên	25/07/2014	Nữ	
38	5.5	Ngô Trương Thảo	Nguyên	30/11/2014	Nữ	
39	5.5	Đoàn Minh	Nhật	22/12/2014	Nam	
40	5.5	Lê Thảo	Nhi	08/07/2014	Nữ	
41	5.5	Bạch Gia	Phúc	09/11/2014	Nam	
42	5.5	Lê Hoàng	Quân	18/12/2012	Nam	
43	5.5	Mai Kim	Quỳnh	08/04/2014	Nữ	
44	5.5	Hoàng Chu Thu	Thảo	08/04/2014	Nữ	
45	5.5	Phạm Huỳnh Minh	Thư	31/10/2014	Nữ	
46	5.5	Võ Quỳnh	Thy	22/02/2014	Nữ	
47	5.5	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	20/11/2014	Nữ	
48	5.5	Nguyễn Song	Toàn	11/04/2014	Nam	
49	5.5	Lê Minh	Tú	04/10/2014	Nữ	
50	5.5	Võ Nguyễn Minh	Uyên	11/12/2014	Nữ	
51	5.5	Nguyễn Thế	Vinh	18/12/2014	Nam	
52	5.5	Lâm	Vy	02/10/2014	Nữ	
53	5.5	Nguyễn Thanh	Vy	26/02/2014	Nữ	

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.6	Đinh Hải	An	03/11/2014	Nữ	
2	5.6	Huỳnh Bảo	An	02/02/2014	Nam	
3	5.6	Nguyễn Trần Khánh	An	27/08/2012	Nữ	
4	5.6	Lâm Quang	Anh	17/07/2014	Nam	
5	5.6	Lê Hoài Phương	Anh	03/02/2014	Nữ	
6	5.6	Nguyễn Nhật	Anh	24/12/2014	Nữ	
7	5.6	Nguyễn Lê Quân	Bảo	07/03/2014	Nam	
8	5.6	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	09/07/2014	Nữ	
9	5.6	Trần Vi Thùy	Dương	22/08/2014	Nữ	
10	5.6	Hồng Hải	Đăng	30/12/2014	Nam	
11	5.6	Phạm Ngọc	Hân	21/03/2014	Nữ	
12	5.6	Trương Khả	Hân	07/01/2014	Nữ	
13	5.6	Vũ Ngọc	Hân	24/02/2014	Nữ	
14	5.6	Lê Đặng Minh	Hiếu	27/12/2014	Nam	
15	5.6	Đinh Tiến	Hưng	13/04/2014	Nam	
16	5.6	Nguyễn Phú	Khang	31/07/2014	Nam	
17	5.6	Thái Ngân	Khánh	29/09/2014	Nữ	
18	5.6	Nguyễn Anh	Khoa	15/06/2014	Nam	
19	5.6	Huỳnh Tuấn	Kiệt	01/07/2014	Nam	
20	5.6	Hoàng	Kim	06/10/2014	Nữ	
21	5.6	Huỳnh Gia	Lâm	13/06/2014	Nam	
22	5.6	Tổng Khánh	Linh	30/06/2014	Nữ	
23	5.6	Ngô Hải	Minh	22/03/2014	Nam	
24	5.6	Lê Thảo	My	18/05/2014	Nữ	
25	5.6	Đồng Bảo	Nam	03/01/2014	Nam	
26	5.6	Trang Yên	Ngân	17/10/2014	Nữ	
27	5.6	Nguyễn Gia	Nghi	24/12/2014	Nữ	
28	5.6	Chu Phan Thảo	Nguyên	12/12/2014	Nữ	
29	5.6	Đặng Thanh Khải	Nguyên	26/09/2014	Nam	
30	5.6	Võ Lê Thảo	Nguyên	06/11/2014	Nữ	
31	5.6	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	25/09/2014	Nữ	
32	5.6	Thái An	Nhiên	31/10/2014	Nữ	
33	5.6	Đoàn Thiên	Phúc	01/04/2014	Nam	
34	5.6	Lê Gia	Phúc	24/09/2014	Nam	
35	5.6	Trần Ngọc Nam	Phuong	24/02/2014	Nam	
36	5.6	Đào Đức	Tâm	10/02/2014	Nam	
37	5.6	Trương Ngọc Như	Tâm	05/12/2014	Nữ	
38	5.6	Bùi Bá	Tân	12/07/2014	Nam	
39	5.6	Trần Tấn	Thành	23/04/2014	Nam	
40	5.6	Nguyễn Lê Phương	Thảo	14/05/2014	Nữ	
41	5.6	Lê Toàn	Thắng	24/01/2013	Nam	
42	5.6	Bùi Hoàng	Thiên	19/11/2014	Nam	
43	5.6	Lê Nguyễn Minh	Thư	15/05/2014	Nữ	
44	5.6	Nghiêm Xuân Bảo	Tiên	13/12/2014	Nữ	
45	5.6	Nguyễn Anh	Toàn	21/12/2013	Nam	
46	5.6	Đặng Minh	Trí	14/04/2014	Nam	
47	5.6	Huỳnh Trần Nhã	Uyên	12/09/2014	Nữ	
48	5.6	Lê Văn	Việt	22/11/2014	Nam	
49	5.6	Vũ Thị Khánh	Vy	13/07/2014	Nữ	
50	5.6	Cao Thiên	Ý	28/03/2014	Nam	
51	5.6	Nguyễn Như	Ý	13/05/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.7 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.7	Nguyễn Ngọc Lê	An	26/10/2014	Nam	
2	5.7	Nguyễn Phạm Lan	Anh	13/04/2014	Nữ	
3	5.7	Nguyễn Quỳnh	Anh	06/10/2014	Nữ	
4	5.7	Nguyễn Quỳnh Nhật	Anh	16/09/2014	Nữ	
5	5.7	Huỳnh Kim	Bảo	12/03/2014	Nam	
6	5.7	Thái Khắc Gia	Bảo	27/02/2014	Nam	
7	5.7	Phạm Thanh Bảo	Châu	01/11/2014	Nữ	
8	5.7	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	15/08/2014	Nữ	
9	5.7	Nguyễn Thành	Đạt	18/05/2014	Nam	
10	5.7	Trần Nhật Nguyên	Đức	15/09/2014	Nam	
11	5.7	Phạm Nguyên	Hải	03/11/2014	Nam	
12	5.7	Bùi Lâm Gia	Hân	01/09/2014	Nữ	
13	5.7	Lê Mai Thanh	Hân	13/03/2014	Nữ	
14	5.7	Trần Hồng Gia	Hân	25/02/2014	Nữ	
15	5.7	Phan Lê	Hiếu	14/04/2014	Nam	
16	5.7	Trần Nhật	Hoàng	20/08/2014	Nam	
17	5.7	Nguyễn Gia	Huy	22/11/2014	Nam	
18	5.7	Nguyễn Bảo	Khang	10/05/2014	Nam	
19	5.7	Hồ Tuấn	Khoa	30/03/2014	Nam	
20	5.7	Phan Bảo	Khôi	31/05/2014	Nam	
21	5.7	Đỗ Ngọc Thiên	Kim	20/10/2014	Nữ	
22	5.7	Phan Mỹ	Kim	09/10/2014	Nữ	
23	5.7	Võ Hoàng	Lân	25/05/2014	Nam	
24	5.7	Nguyễn Thảo	Linh	31/10/2014	Nữ	
25	5.7	Nguyễn Hải	Long	29/07/2014	Nam	
26	5.7	Nguyễn Ngọc Trà	My	07/09/2012	Nữ	
27	5.7	Phùng Trà	My	11/10/2014	Nữ	
28	5.7	Phạm Thành	Nam	01/12/2014	Nam	
29	5.7	Trịnh Bảo	Ngân	29/10/2014	Nữ	
30	5.7	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	24/11/2014	Nữ	
31	5.7	Tăng Lê Thảo	Nguyên	15/05/2014	Nữ	
32	5.7	Đoàn Bảo	Nhiên	29/11/2014	Nữ	
33	5.7	Trần Tuệ	Như	31/08/2014	Nữ	
34	5.7	Huỳnh Bảo	Phúc	11/02/2014	Nam	
35	5.7	Nguyễn Minh	Phúc	17/11/2014	Nam	
36	5.7	Nguyễn Võ Thế	Quân	28/08/2014	Nam	
37	5.7	Nguyễn Xuân	Quỳnh	30/11/2014	Nữ	
38	5.7	Lương Khiết	Tâm	19/06/2011	Nữ	
39	5.7	Lê Quốc	Thiên	13/11/2014	Nam	
40	5.7	Phan Đức	Thịnh	07/10/2014	Nam	
41	5.7	Đạo Thị Khải	Thuy	09/07/2014	Nữ	
42	5.7	Hoàng Tuệ	Thư	16/04/2014	Nữ	
43	5.7	Nguyễn Minh	Thy	20/04/2014	Nữ	
44	5.7	Võ Kế	Tiến	20/10/2014	Nam	
45	5.7	Hoàng Trần Nhã	Trân	06/02/2014	Nữ	
46	5.7	Phan Nhật	Trung	05/02/2014	Nam	
47	5.7	Trần Thanh	Tuyền	12/11/2014	Nữ	
46	5.7	Dương Nhã	Uyên	26/03/2014	Nữ	
48	5.7	Trần Hoàng	Vy	24/03/2014	Nữ	
49	5.7	Trần Ngọc Như	Ý	22/10/2014	Nữ	
50	5.7	Mai	Yumi	02/09/2013	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.8 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: HÀN VĂN TUYẾN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.8	Hồ Ngọc Thiên	An	23/08/2014	Nữ	
2	5.8	Hoàng Hà Tuyết	Anh	09/10/2014	Nữ	
3	5.8	Phạm Thùy	Anh	09/12/2014	Nữ	
4	5.8	Trần Thiên	Ấn	27/01/2014	Nam	
5	5.8	Phạm Trí	Bách	16/09/2014	Nam	
6	5.8	Nguyễn Dương Gia	Bảo	27/11/2014	Nam	
7	5.8	Lê Anh	Chiến	15/04/2014	Nam	
8	5.8	Hàn Thanh	Dĩnh	05/05/2014	Nam	
9	5.8	Phạm Quốc	Duy	07/02/2014	Nam	
10	5.8	Tạ Quý	Giáp	23/04/2014	Nam	
11	5.8	Dương Tam	Hào	09/03/2014	Nữ	
12	5.8	Trương Mỹ	Hằng	02/05/2014	Nữ	
13	5.8	Đặng Gia	Hân	22/10/2014	Nữ	
14	5.8	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	24/09/2014	Nữ	
15	5.8	Nguyễn Ngọc	Hân	10/10/2014	Nữ	
16	5.8	Phạm Lê	Huy	25/01/2014	Nam	
17	5.8	Lê Phúc	Hưng	12/03/2014	Nam	
18	5.8	Phan Lê Phúc	Khang	23/12/2014	Nam	
19	5.8	Trần Đông	Khoa	12/04/2014	Nam	
20	5.8	Dương	Khôi	20/03/2014	Nam	
21	5.8	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	28/07/2014	Nữ	
22	5.8	Phạm Thái	Lâm	06/11/2014	Nam	
23	5.8	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Linh	25/02/2014	Nữ	
24	5.8	Đoàn Võ Minh	Long	28/03/2012	Nam	
25	5.8	Trần Phan Thành	Lợi	28/06/2014	Nam	
26	5.8	Diệp Gia	Minh	26/08/2014	Nam	
27	5.8	Ngô Nhật	Minh	29/10/2014	Nam	
28	5.8	Nguyễn Phú	Mỹ	20/04/2014	Nam	
29	5.8	Nguyễn Thiên	Nam	13/10/2013	Nam	
30	5.8	Cù Ngọc Xuân	Nghi	11/06/2014	Nữ	
31	5.8	Lê Nguyễn Trung	Nghĩa	27/10/2014	Nam	
32	5.8	Nguyễn Hoàng Minh	Ngọc	10/06/2014	Nữ	
33	5.8	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	16/03/2014	Nữ	
34	5.8	Phạm Ngọc Thảo	Nhi	16/10/2014	Nữ	
35	5.8	Nguyễn Hưng Thịnh	Phát	27/01/2014	Nam	
36	5.8	Phù Sử Bảo	Phúc	15/03/2014	Nam	
37	5.8	Hoàng Văn	Phước	06/08/2014	Nam	
38	5.8	Đặng Nguyễn Minh	Quân	12/07/2014	Nam	
39	5.8	Huỳnh Minh	Quân	10/02/2014	Nam	
40	5.8	Nguyễn Tôn Chí	Tài	06/07/2014	Nam	
41	5.8	Nguyễn Lê Hoàng	Thiên	10/01/2014	Nam	
42	5.8	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/12/2014	Nam	
43	5.8	Nguyễn Hoàng Bảo	Thy	15/09/2014	Nữ	
44	5.8	Lữ Ngọc Bảo	Trân	29/08/2014	Nữ	
45	5.8	Phạm Thị Bảo	Trân	15/08/2014	Nữ	
46	5.8	Trần Ngọc Bảo	Trân	14/11/2014	Nữ	
47	5.8	Tăng Quốc	Tuấn	22/05/2014	Nam	
48	5.8	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	02/06/2014	Nữ	
49	5.8	Phạm Bảo Khánh	Vy	28/12/2014	Nữ	
50	5.8	Hoàng Kiều Kim	Yến	11/09/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.9 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.9	Lê Khải	Anh	21/02/2014	Nam	
2	5.9	Lê Nguyên	Anh	17/06/2014	Nam	
3	5.9	Nguyễn Minh	Anh	19/08/2014	Nam	
4	5.9	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	20/05/2013	Nữ	
5	5.9	Nguyễn Hoàng Thiên	Ấn	22/05/2014	Nam	
6	5.9	Lê Nguyễn Quỳnh	Chi	26/09/2014	Nữ	
7	5.9	Phan Nguyễn Hải	Đạt	13/08/2014	Nam	
8	5.9	Nguyễn Thuận	Đức	29/03/2014	Nam	
9	5.9	Lê Ngọc Thanh	Giang	27/11/2014	Nữ	
10	5.9	Hoàng Minh	Hải	11/10/2014	Nam	
11	5.9	Nguyễn Ngọc	Hân	06/08/2014	Nữ	
12	5.9	Phạm Gia	Hân	30/03/2014	Nữ	
13	5.9	Phạm Ngọc Gia	Hân	03/01/2014	Nữ	
14	5.9	Phù Thiên	Hoàng	18/06/2014	Nam	
15	5.9	Nguyễn Thị Kim	Hương	26/03/2014	Nữ	
16	5.9	Nguyễn Huỳnh Gia	Khang	22/09/2014	Nam	
17	5.9	Trần Tuấn	Khang	17/01/2014	Nam	
18	5.9	Lê	Khanh	01/09/2014	Nữ	
19	5.9	Trần Hoàng Mai	Khanh	17/08/2014	Nữ	
20	5.9	Huỳnh Gia Ngọc	Khánh	18/01/2014	Nữ	
21	5.9	Bùi Đăng	Khoa	22/10/2014	Nam	
22	5.9	Huỳnh Gia	Khôi	31/03/2014	Nam	
23	5.9	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	13/10/2014	Nữ	
24	5.9	Đặng Dân	Kỳ	30/10/2014	Nữ	
25	5.9	Trịnh Thành	Lâm	19/05/2014	Nam	
26	5.9	Nguyễn Lê Hoàng	Long	09/01/2014	Nam	
27	5.9	Bùi Hoàng Cao	Minh	16/09/2014	Nam	
28	5.9	Nguyễn Ngọc Thảo	My	10/01/2014	Nữ	
29	5.9	Phạm Hải	Nam	08/11/2014	Nam	
30	5.9	Nguyễn Ngô Thanh	Ngân	08/09/2014	Nữ	
31	5.9	Nguyễn Phúc	Nguyên	13/01/2014	Nam	
32	5.9	Phạm Tuệ	Nhi	04/11/2014	Nữ	
33	5.9	Đặng Dân	Nhu	30/10/2014	Nữ	
34	5.9	Truong Tam	Nhu	20/01/2014	Nữ	
35	5.9	Trần Hải	Phong	02/01/2014	Nam	
36	5.9	Đào Như	Phúc	02/09/2014	Nữ	
37	5.9	Hoàng Vũ Đỗ	Quyên	27/10/2014	Nữ	
38	5.9	Lê Tĩnh	Tâm	20/08/2014	Nam	
39	5.9	Nguyễn Hoa Nguyên	Thảo	27/05/2014	Nữ	
40	5.9	Tôn Lê Nguyên	Thảo	11/11/2014	Nữ	
41	5.9	Nguyễn Lam	Thương	12/08/2014	Nữ	
42	5.9	Phạm Vũ Cát	Tiên	12/12/2014	Nữ	
43	5.9	Cao Thiên Đường	Triết	18/08/2014	Nam	
44	5.9	Nguyễn Ngọc Minh	Tuệ	23/04/2014	Nữ	
45	5.9	Nguyễn Kim	Uyên	15/06/2014	Nữ	
46	5.9	Hoàng Nguyễn Tường	Vân	08/01/2014	Nữ	
47	5.9	Đặng Quốc	Việt	13/04/2014	Nam	
48	5.9	Võ Trúc	Vy	12/08/2014	Nữ	
49	5.9	Phạm Như	Ý	08/04/2014	Nữ	
50	5.9	Trần Thị Bảo	Yến	15/10/2014	Nữ	

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5.10 - NĂM HỌC 2024-2025
GVCN: NGUYỄN THỊ THANH LAN

STT	Lớp	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	5.10	Trần Gia	An	01/07/2014	Nam	
2	5.10	Đào Ngọc Tuấn	Anh	07/09/2014	Nam	
3	5.10	Nguyễn Bảo	Anh	10/08/2014	Nữ	
4	5.10	Nguyễn Đức	Anh	10/04/2014	Nam	
5	5.10	Nguyễn Quốc	Anh	20/03/2014	Nam	
6	5.10	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	14/05/2014	Nữ	
7	5.10	Trần Minh	Bảo	13/02/2014	Nam	
8	5.10	Trần Ngọc Gia	Bảo	19/02/2014	Nam	
9	5.10	Nguyễn Ngọc Phương	Chi	24/08/2014	Nữ	
10	5.10	Võ Hoàng Linh	Chi	23/11/2014	Nữ	
11	5.10	Nguyễn Ngọc	Diệp	11/09/2014	Nữ	
12	5.10	Lê Trung	Dũng	04/07/2014	Nam	
13	5.10	Trần Nguyễn Khánh	Hà	07/04/2014	Nữ	
14	5.10	Trần Gia	Hân	04/01/2014	Nữ	
15	5.10	Văn Kim Bảo	Hân	02/10/2014	Nữ	
16	5.10	Phan Quang	Hiển	06/02/2014	Nam	
17	5.10	Lê Minh	Hoàng	23/11/2014	Nam	
18	5.10	Nguyễn Duy	Khải	02/02/2014	Nam	
19	5.10	Nguyễn Nguyên	Khang	08/09/2014	Nam	
20	5.10	Nguyễn Nhật	Khôi	03/01/2014	Nam	
21	5.10	Lê Trung	Kiên	04/07/2014	Nam	
22	5.10	Lương Hữu	Kiệt	25/10/2014	Nam	
23	5.10	Vũ Ngọc Thiên	Kim	29/04/2014	Nữ	
24	5.10	Lê Long	Lân	13/11/2014	Nam	
25	5.10	Lê Bình	Minh	12/04/2014	Nam	
26	5.10	Lê Bửu Quốc	Minh	13/09/2014	Nam	
27	5.10	Nguyễn Phạm Bảo	Ngân	31/08/2014	Nữ	
28	5.10	Nguyễn Đăng Triều	Nghi	17/01/2014	Nữ	
29	5.10	Trần Phương	Nghi	25/03/2014	Nữ	
30	5.10	Lã Bá Trung	Nguyên	05/09/2014	Nam	
31	5.10	Lê Thảo	Nguyên	31/10/2014	Nữ	
32	5.10	Nguyễn Minh	Nhật	08/12/2014	Nam	
33	5.10	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	16/11/2014	Nữ	
34	5.10	Ngô Nhật	Phát	01/01/2014	Nam	
35	5.10	Hà Thiên	Phước	06/09/2014	Nam	
36	5.10	Nguyễn Bảo Ngọc	Phương	04/02/2014	Nữ	
37	5.10	Nguyễn Hoàng	Quân	07/11/2014	Nam	
38	5.10	Nguyễn Hoàng Như	Quỳnh	08/08/2014	Nữ	
39	5.10	Đỗ Ngọc Thiên	Thanh	16/06/2014	Nữ	
40	5.10	Trần Hạo	Thiên	28/08/2014	Nam	
41	5.10	Nguyễn Thái	Thịnh	20/03/2014	Nam	
42	5.10	Lê Trần Thanh	Tú	23/09/2014	Nam	
43	5.10	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	28/11/2014	Nữ	
44	5.10	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	21/08/2014	Nữ	
45	5.10	Nguyễn Hoàng	Vũ	12/05/2014	Nam	
46	5.10	Nguyễn Hồ Phi	Vũ	01/12/2014	Nam	
47	5.10	Phạm Hoàng Khánh	Vy	01/04/2014	Nữ	
48	5.10	Lê Nguyễn Hoàng	Yến	06/03/2014	Nữ	
49	5.10	Trần Ngọc Hoàng	Yến	11/06/2014	Nữ	